

TRƯỜNG LÃO BUDDHAGHOSA

NHÀ CHÚ GIẢI KINH ĐIỂN PĀLI

Dịch giả: Tỳ Khuru Thiện Minh
suvijjo@yahoo.com

Lưu ý: Đọc với phông chữ [VU Times](#) (Viet-Pali Unicode)

Chương I

CUỘC ĐỜI NGÀI *BUDDHAGHOSA*

Tính ưu việt nơi ngài *Buddhaghosa*

Trong lịch sử văn học Phật giáo *Pāli*, tên tuổi ngài *Buddhaghosa* nổi lên như là một nhà bình luận và chú giải Kinh Phật vĩ đại nhất. *Buddhaghosa* đã phong phú hóa nền văn học Tam tạng *Pāli* y hệt như những gì *Sāyana* đã thực hiện với văn học Vệ-đà. Rất nhiều ngôn từ và thành ngữ, nhiều điểm thần học Phật giáo cũng như những vấn đề triết lý nan giải, sẽ chẳng bao giờ được làm sáng tỏ cho các thế hệ hậu sinh, nếu như ngài *Buddhaghosa* không bỏ công sức to lớn dành cho chúng ta trong các bản văn chú giải Kinh Phật bằng tiếng *Pāli*. Ngoài những lời chú giải thuần ngữ và những cuộc tranh luận triết học, *Buddhaghosa* còn giới thiệu trong những bản chú giải đó một khối lượng khổng lồ những câu chuyện huyền thoại, những ngụ ngôn, những truyền thuyết dân gian, lịch sử và tiểu sử, tất cả những công việc trên đã khiến những tác phẩm của ông trở thành một kho lưu trữ tài liệu hết sức phong phú giúp các nhà sử học nghiên cứu khoa xã hội học Ấn Độ cổ điển có thể khai thác các nguồn tài nguyên vô tận đó.

Sự khan hiếm tư liệu viết tiểu sử tại Ấn Độ cổ đại

Tuy nhiên, thật đáng tiếc chúng ta biết quá ít về tiểu sử ngài *Buddhaghosa*, nhà chú giải Kinh Phật vĩ đại, một trong số rất nhiều nhân vật nổi tiếng tại Ấn Độ. Họ đã không để lại cho chúng ta bất kỳ bút tích ghi chép nào về những gì họ đã thực hiện, ngoại trừ những lời giảng thuyết và một số tác phẩm quý giá. Tuy nhiên đó chính là định mệnh mà chính những người con vĩ đại của Ấn Độ đã chân thành ước muốn như vậy. Thật sự điều an ủi chúng ta rất nhiều khi biết được tất cả những gì họ muốn dấu chúng ta lại chính là những chi tiết viết về cuộc sống đời thường của họ, những lo âu và phiền muộn, cả những gì họ để lại cho chúng ta chỉ toàn là những ghi chép quý báu về cuộc sống nội tâm và kinh nghiệm của họ. Và như vậy khi đọc qua những tác phẩm họ để lại, chúng ta cảm nhận được một ước muốn cháy bỏng là cố tìm hiểu đôi điều gì đó về chính con người của họ, để làm sống lại chính cuộc sống họ đã thực sự trải qua, nhận ra những gì họ thực sự đã thấy và trước tiên là tự sửa chữa chính mình nhờ những gương lành họ đã để lại, mà tham chiến một trận chiến vĩ đại đó là cuộc sống chúng ta và một lần nữa giúp ta đương đầu một cách nghiêm túc hơn với những vấn đề nhân loại. Đây là những cảm nhận không tài nào cưỡng lại được; nhưng coi đó là những tư liệu để viết tiểu sử thì thật là quá ít ỏi.

Những tư liệu tiểu sử ngài *Buddhaghosa*

Cho đến giờ phút này chúng ta không có trong tay bất kỳ điều gì liên quan đến cuộc đời của ngài *Buddhaghosa*, ngoại trừ một số bài bình luận và một ít truyền thuyết và huyền thoại. Thực hiện nghiên cứu tỉ mỉ và cẩn thận những bản chú giải của ông và chất lọc ra một số chi tiết để viết tiểu sử từ một khối lượng tư liệu khổng lồ, không nhằm nhò gì đến tiểu sử, quả thật là một công việc hết sức khó khăn và nặng nề. Những chi tiết truyền khẩu lại rất mơ hồ và được thêu dệt hoặc phóng đại với những suy diễn từ thế hệ này sang thế hệ khác. Đề thu thập được một số thông tin đáng tin cậy, thoạt tiên hình như là một công việc không thể thực hiện nổi. Vậy mà những chi tiết truyền khẩu và những truyện hoang đường đó lại chính là phương cách duy nhất để thu lượm những tư liệu quý giá dựa vào đó mà viết tiểu sử về ngài *Buddhaghosa*. Ngoài ra, những tham khảo nhỏ nhoi do chính *Buddhaghosa* ghi lại, những chi tiết về cuộc đời của ông trong các bài bình luận, trong các bản tường trình lâu đời nhất liên

quan đến tiểu sử của ông được truyền lại cho chúng ta, chỉ là những gì được ghi ở phần hai chương XXXVII trong tác phẩm vĩ đại *Mahāvamsa* đây chính là cuốn biên niên sử về đảo quốc Tích Lan. Tuy nhiên, trích đoạn trên lại xuất hiện trễ hơn nhiều so với những gì còn sót lại trong cuốn biên niên sử đó lại do *Dhammakitti* thêm vào, nhân vật này là thần dân Sa-môn nước Tích Lan sống vào khoảng giữa thế kỷ thứ XIII. Công việc biên soạn tiểu sử nhà bình luận vĩ đại này, cho dù trích đoạn trên đã được thực hiện một khoảng thời gian hơn tám trăm năm sau khi Ngài *Buddhaghosa* đã qua đời, nhưng không phải tất cả những chi tiết trong đó đều không đáng tin cậy, và rất có thể chúng còn xuất phát từ những tư liệu rất cổ xưa; chỉ tiếc một điều là việc biên soạn trên lại cung cấp cho chúng ta quá ít thông tin. Chính vì vậy chúng tôi không ngần ngại đưa ra đây toàn văn bản tường trình ngắn ngủi đó do chính Ngài *Dhammakitti* để lại cho chúng ta.

Bản tường trình *Dhammakitti* viết về *Buddhaghosa*

Trong khi tường trình về triều đại nhà vua *Mahānāma* trị vì tại đảo quốc Tích Lan vào những năm đầu thế kỷ thứ V sau CN, cuốn biên niên sử *Mahāvamsa* đã kể lại cuộc đời và sự nghiệp của ngài *Buddhaghosa* [1] như sau: "Ông là một thanh niên thuộc đẳng cấp Bà-la-môn, sinh tại vùng phụ cận thị trấn Magadha, là nơi trồng cây Đại Bồ-đề, ông đã hoàn tất việc huấn luyện theo phái "vijja" và "sippa," và có kiến thức rất sâu rộng về ba phái "Phệ-đà," và ông cũng là người có được nhiều tài năng uyên bác, đã hoạt động không biết mệt mỏi chống lại các phái ly giáo, đã tự coi mình là người chống lại ly giáo khắp vùng *Jumbudīpa*, và tại một số tịnh xá, ông thường có thói quen bắt kẻ ngày đêm khoanh tay trước ngực nhắc lại những bài diễn thuyết ông đã học được, hoàn chỉnh đến từng chi tiết, và kéo dài suốt như thế bằng một giọng điệu rất cường điệu. Có một vị Đại Hòa thượng (*māhathera*), tên là Revata, đã đến làm quen với ông và vị Hòa thượng này (nhũ thằm trong bụng), "Đây chắc phải là một con người có kiến thức uyên bác; thật xứng cho mình chiêu mộ Quy Phật; Revata đã tự hỏi, "Không hiểu ông là ai mà phát ra tiếng lừa con kêu be be vậy?" (cậu trẻ) "Bà-la-môn" đáp lại, "Người không hiểu được tiếng lừa kêu đó truyền đạt ý nghĩa gì đâu". Vị Thượng tọa đó (thera) đối lại, "Vâng, tôi

không thể hiểu được"; cậu trai Bà-la-môn đã chứng tỏ mình có kiến thức uyên bác. Vị Thượng tọa đó bình luận từng lời tuyên bố của cậu trai (*Buddhaghosa*) và vạch ra những điểm sai sót. Người bị bắt bẻ lên tiếng, "Vâng, thế thì, cứ theo y như niềm tin của ông đi; thế rồi cậu trai trẻ (*Buddhaghosa*) viện dẫn một trích đoạn trong cuốn "*Abhidhammo*" (tác phẩm *Piṭakattaya*). "Ta, người thuộc dòng dõi Bà-la-môn mà không thể giải thích được ý nghĩa của đoạn ấy; và hỏi, "thế thần chú (*Manto*) này của ai vậy? Chẳng phải là của Đức Phật hay sao?" nghe (*Buddhaghosa*) lớn tiếng, "Hãy phổ biến điều đó cho tôi ngay đi, vị này (*thera*)" đáp lại, "hãy gia nhập vào hàng tăng lữ." Những ai ước muốn hiểu biết về tác phẩm *Piṭakatta*, nhất thiết phải có được nhận thức này: "Đây là con đường duy nhất (giải thoát) chúng sanh; hãy quay trở lại với niềm tin đó. Chính vì ông rất thâm thúy trong diễn đạt lời nói (*ghoso*) giống hệt như Đức Phật vậy. Chúng sanh đều phong cho ông danh hiệu *Buddhaghoso* (có nghĩa là Tiếng Nói (Lời) của Đức Phật) và giống như Đức Phật ông đã trở nên rất nổi tiếng khắp nơi trên thế gian này. Là vì ông đã sáng tác tại đó (ở *Jambudīpa*) một tác phẩm độc đáo gọi là "*Nānodayam*"; cùng lúc đó, ông đã viết một chương mang tựa đề "*Atthasālini*" viết về *Dhammasaṅgaṇi*" (một trong số những bài bình luận về tác phẩm *Abhidhammo*); thế rồi cũng trong tác phẩm này, khi xét thấy ông ước ao tiến hành biên soạn một tác phẩm nói về "*Parittatṭhakatham*" (bài bình luận về tác phẩm *Piṭakattaya*), vị Thượng tọa Revata đã nói với ông: "Đây là bản văn duy nhất được bảo tồn tại đảo quốc này: Tác phẩm *Aṭṭhakathā* hiện không còn tồn tại ở đây nữa. Cũng chẳng kiếm đâu ra được phiên bản hoàn chỉnh về (cuộc ly giáo) Phê-đà nữa. Chỉ có các tác phẩm *Aṭṭhakathā* viết bằng tiếng Sinhala là còn nguyên vẹn. Chính ngài *Mahindo* đã được linh cảm và có trí thông minh tuyệt vời đã viết bằng tiếng Sinhala. Trước khi viết, chính ông cũng đã tiếp cận được với những bài giảng thuyết của Đức Phật, các tác phẩm trên cũng đã được công nhận là xác thực tại các Hội nghị, nơi các tác phẩm và nhiều biện lý khác của *Sāriputto* cũng như nhiều nhân vật khác nữa đã rất phổ biến nơi cộng đồng người Sinhala. Theo hướng đó đang khi phục hồi, nghiên cứu, các tác phẩm đó cũng được chuyển ngữ theo đúng luật văn phạm *Māgadhas*. Đây chính là một công việc đem lại lợi ích cho toàn thể nhân loại. "Sau khi đã được nhấn nhủ như

vậy, con người khôn ngoan kiệt xuất đó rất phấn khởi, kể từ đó ông đã lên đường và viếng thăm đảo quốc này dưới thời nhà vua (*Mahānāma*) cai trị tại đây. Vừa mới đặt chân đến thiền viện *Mahāvihāra* (vùng *Anurādhapura*) ông ta bước vào đại sảnh đường *Mahāpadhāna*, một kiến trúc lộng lẫy nhất tại tịnh xá đó (*vihāra*), và nghe thuyết trình về tác phẩm *Aṭṭhakathā* bằng tiếng Sinhala và cả tác phẩm *Theravāda* từ đầu đến cuối do một vị Hòa thượng (*thera*) *Saṅghapāli* giảng giải; ông đã thâm tín thấu đáo là các tác phẩm này đã truyền tải ý nghĩa đích thực giáo lý của Đấng Giác ngộ (Giáo Pháp - *Dhammo*). Chính vì vậy đang khi ông tỏ ra hết sức kính trọng giới tăng lữ, ông đã đưa ra một đề nghị: "Tôi rất ước ao dịch tác phẩm *Aṭṭhakathā*; xin cho phép tôi được sử dụng tất các cuốn sách của các vị". Nhằm kiểm tra khả năng kiến thức của ông, nên mấy vị tăng lữ đó chỉ giao cho ông hai bộ Già-tha bảo rằng: "Để kiểm tra khả năng của nhà người xem có thể thỏa mãn được những yêu cầu của chúng ta hay không, sau đó chúng ta mới có thể trao cho nhà người tất cả bộ sách đó". Từ những cuốn sách này ông đã coi như là bản văn của riêng mình và ông đã tham khảo *Piṭakattaya*, cùng với cuốn *Aṭṭhakathā* và ông đã cô đọng lại những bộ sách đó dưới dạng tóm lược, ông đã sáng tác những lời bình gọi là "*Visuddhimaggam*." Kể từ đó ông qui tụ một số Tăng sĩ đạt đến được kiến thức thông suốt về giáo lý Phật giáo, ngay dưới gốc cây Bồ-đề, ông bắt đầu đọc to cho họ nghe (về công trình ông đã biên soạn). Những vị chư Thiên (*Devatas*) để biến những công hiến trí tuệ của *Buddhaghosa* trở thành nổi tiếng nơi chúng sanh, đã biến những bộ sách đó trở nên vô hình. Tuy nhiên, ông lại biên soạn lại tới hai ba lần tác phẩm đó. Khi ông đang biên soạn lại bộ sách đó lần thứ ba, nhằm mục đích quảng bá bộ sách, thì các vị chư Thiên đã phục hồi lại hai bản sách trước đó họ đã lấy đi. Thế rồi các vị tăng lữ qui tụ lại xướng to lên cả ba bộ sách cùng một lúc. Trong cả ba phiên bản trên, không có cuốn nào có những sai sót về nghĩa trầm trọng nào cả, không thấy có sáo trộn thứ tự nào cả; cũng không gây ra những tranh cãi, không thấy xảy ra ở một số câu, hay theo thứ tự các từ trong câu, hoặc các vần chữ trong bất kỳ một từ nào đều chẳng hề chứa đựng bất kỳ biến đổi nhỏ nhoi nào cả. Kể từ đó các vị tăng lữ hết sức vui mừng. Họ liên tục hô to "thật là điều hết sức chân thực đây chính là đức Chí tôn *Metteyyo* (*Buddho*) và họ đã chuyển lại cho

ông toàn bộ những gì được ghi lại trong tác phẩm *Piṭakattaya* cùng với tác phẩm *Aṭṭhakathā*. Lưu lại nơi một tịnh xá *Granthākāro* tại *Anurādhapura*, ông bắt đầu dịch toàn bộ những bộ sách đó theo văn học *Māgadhas*, một ngôn ngữ đang là nguồn gốc mọi ngôn ngữ thời đó. Toàn bộ tác phẩm chú giải (*Aṭṭhakathā*) bằng tiếng Sinhala đã được dịch sang tiếng *Pāli*. Điều đó chứng tỏ bộ sách đã đạt đến một trình độ ngôn ngữ được đồng đảo những người đương thời đang sử dụng. Toàn bộ các vị Đại đức (Thera) và bậc thầy (Acariyas) đều rất ngưỡng mộ và đánh giá cao tác phẩm như là một bản văn *Piṭakattaya* nguyên thủy. Như vậy, ông đã hoàn thành mọi mục tiêu của sứ mệnh mình đã đề ra, ông đã quay trở lại miền *Jambudīpa* để thực hiện việc thiền định ngay dưới gốc cây Bồ-đề (tại *Unruvelāya* miền *Magadha*.)

Độ tin cậy về bản tường trình *Dhammakitti*

Ba mươi ba cặp câu kệ trích ở lời chú cuối trang, như chúng tôi đã đề cập đến ở phần trên, là một phụ chương trong cuốn *Mahāvamsa* được *Dhammakitti* viết vào thế kỷ 13 sau CN. Tác phẩm đã được viết nhiều thế kỷ sau khi ngài *Buddhaghosa* đã sống và biên soạn các tác phẩm của ông, nhưng *Dhammakitti* phải có được một số tư liệu ghi chép đáng tin cậy trước đó để ông rút ra được những thông tin của mình. Có lẽ ông đã có được bản tường trình theo như cố giáo sư Rhys Davids [2] cho biết, từ những văn bản được viết và tồn trữ tại văn khố Great Minster vùng *Anurādhapura* hiện nay không còn nữa". Toàn bộ bản tường trình trích dẫn ở trên trong tác phẩm *Mahāvamsa* xem ra chứa đựng nhiều sự thật tuy nhiên chỉ có phần nói về sự chia sẻ Devas được đề cập đến vinh quang của *Buddhaghosa* là có phần khả nghi.

Độ tin cậy về những thời điểm *Buddhaghosa* xuất hiện, được *Dhammakitti* ghi lại trong tác phẩm của mình

Một công việc hết sức quan trọng đó là Ngài *Dhammakitti* đã tăng thêm hiểu biết cho chúng ta về nhà thông thái vĩ đại này, đó chính là ông đã xác định một cách dứt khoát thời điểm *Buddhaghosa* sống. Nhà vua *Mahānāma* trị vì vào nửa thế kỷ thứ 5 sau CN, như cuốn biên niên sử Tích Lan còn ghi lại và như

vậy *Buddhaghosa* đã đến thăm đảo quốc Tích Lan và làm việc tại đó trong thời gian này. Chúng ta có thể biết rõ thời gian ông sinh sống. Nhưng có một điều không mấy rõ ràng trong lịch sử văn học Ấn Độ, cho dù văn học tiếng Phạn hay tiếng *Pāli* đó luôn chứa đựng một điều gì đó chúng ta cảm thấy không mấy chắc chắn khi phải xác định dứt khoát về thời gian sinh sống của bất kỳ một tác giả văn học Ấn Độ nổi tiếng nào. Xuất phát từ sự khẳng định đơn giản đó, chúng ta biết rằng khẳng định về thời gian *Buddhaghosa* sinh sống đều chỉ là phỏng đoán mà thôi.

Những thời điểm do Ngài *Dhammakitti* cung cấp cho chúng ta cũng chỉ được chứng minh bằng những chứng cứ nội tại trích từ những bài bình luận do chính *Buddhaghosa* viết ra.

Buddhaghosa cũng đã cho thấy ông đã quen biết với *Milinda Pañho*. Điều này đã được làm rõ trong hai trích đoạn do Rhys Davids biên soạn, một đoạn trích từ bài bình luận *Buddhaghosa* viết về Kinh *Mahāparinibbāṇa Sutta* (vi. 3) còn đoạn kia trích từ lời bình luận của *Buddhaghosa* về Kinh *Ambaṭṭha (Dīgha Nikāya, III. 2, 12)* trong đó nhà bình luận vĩ đại đã đề cập đến và trích dẫn cuộc đàm đạo giữa *Milinda* và *Nāgasena*. Tiến sĩ Morris còn chỉ rõ hai trích đoạn khác nữa tương tự như thế từ tác phẩm của *Milinda Pañho*, một trong hai đoạn từ cuốn *Manorathapūraṇī*, là bài bình luận *Buddhaghosa* viết về *Āṅguttara Nikāya*, và còn đoạn thứ hai là lời bình của ngài viết về *Majjhima Nikāya*, là người *Papañcasūdanī* [3] những điểm này như đã được nêu trong các tác phẩm của ngài *Buddhaghosa*, vẫn chưa đi đến thống nhất chặt chẽ lắm, theo từng chữ một, với nguyên bản của *Milinda Pañho* do ông *Trenckner* biên tập, nhưng nội dung vẫn hoàn toàn giống nhau. Chính vì vậy không thể nghi ngờ gì ngài *Buddhaghosa* thực sự không quen biết *Milinda Pañho*. Nhằm tôn trọng những gì ông đề cập trong cuốn sách đó, bà *Rhys Davids* vạch rõ, thực sự không có gì cho thấy những vấn đề liên quan đến nhà vua *Milinda* "đã được viết trước khi ngài *Buddhaghosa* xuất hiện một thời gian đáng kể" [4] Bà *C.A.F. Rhys Davids* còn lưu ý đến nhiều trích đoạn trong cuốn: *Atthasālini*, có nghĩa là, những lời bình luận do ngài *Buddhaghosa* thực hiện về cuốn *Dhammasaṅgaṇī* [5] trong đó ngài *Buddhaghosa* đã đề cập đến *Āyasmā Nāgasena*, *Nāgasenatthera*, *Āyasmā Nāgasenatthera*, Ngài *Nāgasena*, hay đơn giản là một Ngài. Trong lần xuất bản cuốn *Visuddhimagga*

do *Buddhaghosa* viết, tác giả uyên bác này đã khám ra ít nhất ba trích đoạn giúp ta tìm thấy được dấu vết về *Milinda Pañho* [6]. Những tham khảo về những tác phẩm thời hậu Phật giáo Kinh điển, như tác phẩm *Petākopadesa*, *Anāgatavamsa*, ngoài một số *Aṭṭhakathās* cổ xưa và những tác phẩm khác không còn được lưu hành, cũng đã được người phụ nữ tài ba này vạch ra trong những tác phẩm của *Buddhaghosa* như đã được đề cập đến ở trên. Nhưng ta phải công nhận một điều là không có bất kỳ trường hợp nào, cũng như bất kỳ lý do nhỏ nào về những gì đã được trích dẫn có liên quan đến *Buddhaghosa* lại thuộc niên đại sau này như đã được *Dhammakitti* ghi lại. Chính vì thế, không còn gì phải ngần ngại chấp nhận thời điểm *Buddhaghosa* đã sống và viết những tác phẩm của mình là vào đầu thế kỷ thứ V sau CN.

Theo truyền thống Miến Điện, như đã được tác giả Bishop Ringandet ghi lại, ông cũng đã vạch rõ đầu thế kỷ thứ năm sau CN. là thời điểm nhà bình luận vĩ đại này đã đến viếng thăm miền duyên hải Martaban. Như tác giả Bishop đã viết trong tác phẩm của mình mang tựa đề "Cuộc Đời hay Huyền Thoại Của Ngài Phật Tổ Cồ Đàm (*Gaudama*)" [7] (1 tr.11) như sau: "Có lẽ cần phải đề cập đến ở đây một giai đoạn vàng son nhất trong lịch sử Phật giáo Miến Điện. Tôi muốn ám chỉ đến chuyến du hành của một vị tu hành [8] tại Thaton, có tên *Buddhagosa*, đã thực hiện một chuyến đi đến đảo quốc Tích Lan vào năm Phật lịch 943-400 sau CN. Mục tiêu chuyến đi này là để thu thập một bản Kinh Phật. Ông đã hoàn thành nhiệm vụ đã vạch ra. Ông đã tận dụng chữ viết Miến Điện hay đúng hơn là mẫu tự Ta-la để chép lại các bản viết tay Kinh Phật đó, được viết bằng tiếng *Magāthā*. Đã có những bài về bằng tiếng Miến Điện đề cập nhiều đến chuyến đi này và đã được ghi chép cẩn thận về năm tháng chuyến hành trình diễn ra. Thực chất mà nói, chính nhờ *Budhagosa* mà những cư dân sống ở vùng duyên hải vịnh Martaban có được Kinh Phật. Từ thời Thaton, công việc sưu tầm do ngài *Budhagosa* thực hiện đã được chuyển về Pagan sáu trăm năm mươi năm sau khi được du nhập vào từ đảo quốc Tích Lan.

Tài năng kiến thức Bà-la-môn của ngài *Buddhaghosa*

Chúng ta sẽ làm sáng tỏ những gì đã được thảo luận về niên đại của ngài *Buddhaghosa* sinh sống như đã được tác giả

Dhammakitti cung cấp rất khớp với tất cả những dữ kiện đã được biết đến từ trước đến nay. Bản tường trình của ngài *Dhammakitti* về tài năng của ngài *Buddhaghosa* am tường tiếng Phệ-đà và những ngành kiến thức Bà-la-môn khác cũng rất chính xác. Điều này đã được xác định do những bằng cứ nội tại xuất phát từ chính những tác phẩm bình luận của nhà chú giải vĩ đại này. Trong tác phẩm *Sumaṅgalavilāsīnī* ngài *Buddhaghosa* đã đề cập đến bốn bản Kinh Phệ-đà, đó là: *Irubbedā (Rigveda)*, *Yajubbedā (Yajurveda)*, *Sāmaveda* và *Athabbapa Veda*. [9] Ông cũng chứng tỏ cho thấy ông biết đến từng chi tiết các việc cúng kiến Phệ-đà. Ông cũng cho biết nghi lễ *yij̐tha* được gọi là lễ cúng long trọng (*mahāyāgā*) và huta là lòng mên khách dành cho những người tham dự lễ cúng trên. Ông cũng đề cập đến *aggihoma* [10] về điều này ông cho biết tên nghi thức cúng xuất phát từ việc đồ cúng được thiêu bằng củi. Theo ông cho biết, *dabbihoma* là một loại nghi thức *aggihoma*, được gọi như vậy là vì lễ cúng này được cử hành bằng cách đưa các vỏ trấu vào lò lửa bằng các giá lớn làm bằng gỗ. Ông cũng cho biết *kano* là một loại cám đỏ bám vào hạt gạo lẫn trong trấu. *Taṇḍula* lại bao gồm cả gạo *Sāli* và một số loại cỏ khác. *Sappi* còn gọi là *Go-sappi* (sữa bò lỏng) v.v... *Tela* là một loại dầu *sesamum* v.v... tác giả cũng đề cập đến các lễ cúng được gọi là *mukka homa* và *lohita homa* trong tác phẩm *Sumaṅgalavilāsīnī*. Lễ cúng trên được đề cập đến như là một loại nghi lễ trong đó hạt tương mù tạt v.v... được rải trên lửa bằng cách dùng miệng phun, còn nghi lễ thứ hai được cử hành bằng cách trích máu ở đầu gối phải v.v... [11]. Theo *Buddhaghosa* thì *saddha* là đồ ăn được dọn cho người chết, *thālipāka* lại là bữa dọn cho những nghi lễ như cưới hỏi v.v... *yañña* là đồ ăn dọn cho một nghi lễ cúng và *pāhuna* là đồ ăn dành cho các vị khách, cũng được gọi là đồ ăn dùng để trưng bày. [12] Chúng ta cũng được biết những người chủ trì các nghi lễ cúng lớn (*mahāyāgām*) thường nắm giữ vị thế chủ chốt trong việc cúng kiếng đó. Thường đề tên vị vua này vua kia, hay tên của một vị thuộc đẳng cấp Bà-la-môn nào đó, họ không được chặt cây hay cắt cỏ, dùng kê chi đến sát sanh bò dê hay một số gia súc đại loại nào đó giống như vậy. [13] Ngài *Buddhaghosa* cũng đã làm rõ cho chúng ta biết, ông có suy nghĩ gì về những nghi lễ mang tính đẳng cấp Bà-la-môn này. Ông cũng cho biết những người Bà-la-môn mặc dù được đề cập đến qua những văn

kệ trong ba bài Kinh Phệ-đà như vậy, họ vẫn chưa được hội kiến Đấng Chí Tôn (*Brahmā*) [14] họ dâng lời niệm Phật để cầu xin trợ giúp cho quốc gia Ấn Độ, *Soma, Varuṇa, Isāna, Pajāpatī, Brahmā, Mahiddhī* và *Yama*. Nhưng nhà bình luận không đưa ra được bất kỳ một kết quả tốt đẹp nào tiếp sau những Kinh Niệm Phật như vậy. [15]

Chúng ta đừng nên nghĩ những bản văn Phệ-đà chỉ là những tác phẩm Ba-la-môn duy nhất được *Buddhaghosa* biết đến. Ông còn giải thích cho chúng ta nguồn gốc từ, "*Itihāsa*" [16] trùng khớp một cách chính xác với giải thích đã được *Yāska* lưu truyền lại cho chúng ta trong tác phẩm *Nirukta*. Ông còn xác định cách rõ ràng nơi chốn những người Bà-la-môn thường xuyên có mặt trong cuộc đàm thoại với Đức Phật. [17] trong tác phẩm *Visuddhimagga* [18] ông bàn về nhân đức của *Titikkhā*, nghĩa là sự kiên nhẫn chịu đựng, ông cho biết, "Một người được ban tặng cho đặc tính kiên nhẫn chịu đựng là người được mệnh danh là *Brahmāṇa*." Nơi các dụ ngôn của mình, ông đã đề cập đến các nghi lễ Bà-la-môn. [19] Ông thường ám chỉ đến điển đạt, *Bandhupādāpaccā*, về nguyên lý Bà-la-môn là Sudra được sinh ra từ gót chân đấng Chí Tôn *Brahmā*. [20] Chính vì ông rất hiểu biết lịch sử các giáo phái Bà-la-môn, xuất phát từ bài tường thuật ông trình bày về tám loại đặc sủng siêu nhiên của Đấng Chí Tôn (*Brahmā*). Như đã được bàn cãi trong tạp chí Hội *Pāli* text Society, 1891, và từ những bài bình luận của *Samyutta Nikāya*, trong đó chúng ta còn thấy ông tiến sâu hơn bằng cách giải thích lịch sử người Bà-la-môn *Dhanañjanī*, theo ông "họ là một trong số các gia đình thuộc dòng dõi quý tộc tự cho mình là những lời giảng dạy của Đấng Chí Tôn không những đã xuất phát ra từ nơi họ mà còn từ trong những suy tư của Ngài (*Brahma*) nữa." Những lời bình về đoạn sách *Pāli* kể trên [21] liên quan đến luận án bổ xung về Phệ-đà không thể phát xuất từ một con người không thông thạo văn học Phệ-đà. Việc ông nhấn mạnh đến Luật Giới Vinaya lại là một bằng chứng khác nữa chứng tỏ hiểu biết uyên thâm của ông trước đây. Những giải thích ông đưa ra như sát sanh, trộm cắp, v.v... đã cho thấy có sự tiến bộ rõ nét nơi cách giải thích như đã được trình bày từ lâu đời nay. Ông cũng hiểu biết rất nhiều về triết lý Ấn giáo. Kiến thức về triết học *Sāṅkhya* cho thấy thái độ của ông đối với *Pakativāda* như sẽ được trình bày trong chương tiếp theo sau

đây. Ông đã phong phú hóa di sản Phật giáo với nhiều tài liệu được cập nhật đầy đủ từ nhiều hệ phái khác nhau ; thử khảo sát, lấy ví dụ cách ông dùng từ "*Samūha*" tức khắc gộp nhớ chúng ta đến tác phẩm *Patañjali Mahābhāṣya* [22] cũng có nhiều trích đoạn tương tự như vậy. [23]

Điểm trùng lặp trong bản tường trình *Dhammakitti* về cuộc đời *Buddhaghosa* với bằng chứng nơi các bản chú giải

Đến đây chúng ta sẽ tiến hành chứng tỏ bài tường trình do *Dhammakitti* trình bày về cuộc đời ngài *Buddhaghosa* có ăn khớp một cách chính xác với những gì các nhà bình luận tên tuổi đã trình bày về ngài *Buddhaghosa* trong các tác phẩm bình luận của họ hay không, đặc biệt trong tác phẩm *Nidānakathā* hay câu chuyện về nguồn gốc các công trình ngay từ thuở ban đầu. Do đó trong cuốn *Nidānakathā* viết về tác phẩm *Visuddhimagga* của mình, ngay từ đầu *Buddhaghosa* đã trích dẫn chính lời dạy của Đức Phật sau đây:

"*Sīle patiṭṭhāya naro sapañño, cittarṃ paññaṃ ca bhāvayam, Ātāpī nipako Bhikkhu, so imam vijaṭaye jaṭanti*" (Ngay sau khi đã tiếp nhận Giáo Pháp, người khôn ngoan nên nghĩ đến Tuệ (*paññā*), một Tỳ-khưu tích cực và khôn ngoan nên gỡ bỏ ngay ràng buộc này). Tiếp theo ông tiến hành ghi lại những hoàn cảnh trong đó ông đã viết những bản trích yếu tóm lược về Phật giáo: "Ý nghĩa đích thực của giới (*Sīla*), v.v... được ông mô tả bằng những vần kệ thốt ra từ miệng những nhà thông thái vĩ đại. Sau khi đã được xuất gia theo dòng *Jina* (người chinh phục) và lợi ích của giới (*Sīla*), v.v... đó chính là sự bình thân, và cũng là con đường tiến thẳng đến thuần khiết, các hành giả (*Yogi*) rất ước ao đạt đến thuần khiết lại không hiểu được thực chất thuần khiết là gì, và đã không tài nào đạt đến được cho dù họ khổ công tập luyện. Tôi sẽ trình bày về *Visuddhimagga* theo như lời truyền lại của những cư dân *Mahāvihāra*, là điều họ rất ưa thích và cũng là những lời giải thích chính xác nhất: Chớ gì tất cả những nhà thánh hiền ước ao chiếm được lòng thuần khiết hãy chăm chú lắng nghe những gì tôi nói ra đây. [24]

Lại nữa khi kết thúc tác phẩm, *Buddhaghosa* đã quay trở lại với chính nghiệp (*gāthā*) ông đã chấp nhận như là văn bản để viết

tác phẩm *Visuddhimagga*, và sau khi đề cập đến lời hứa của ông như đã được trích dẫn ở trên, chính ông đã diễn tả như sau: liên quan đến tác phẩm bổ xung về Phệ-đà không thể có bất kỳ kỳ vọng nào nơi một con người chưa thông thạo với toàn bộ nền văn học Phệ-đà. Sự nhấn mạnh của ông về luật giới (*Vinaya*) là một bằng chứng nữa cho thấy ảnh hưởng của ông về những kiến thức của ông trước kia. Những giải thích của ông về sát sanh, trộm cướp v.v... cho thấy một cách tiến bộ khá rõ nét trong việc diễn đạt theo kiểu cổ. Ông đã có hiểu biết sâu rộng về một số hệ thống triết lý Ấn giáo Hindu. Sự hiểu biết của ông về triết học *Sāṅkhya* được chứng tỏ qua thái độ của ông đối với *pakativāda* như sẽ được trình bày trong chương tới đây. Họ đã làm giàu cái di sản Phật giáo bằng những tài liệu được cập nhật từ nhiều hệ thống khác nhau; thí dụ như, hãy khảo sát cách dùng từ "*Samuha*" của ông. Lập tức nhắc nhở chúng ta về *Mahābhāṣya* của tác giả *Patañjali* cũng còn có nhiều đoạn tương tự như vậy.

Lại nữa đến phần kết thúc tác phẩm, *Buddhaghosa* còn quay trở lại với chính Kệ hay *Gatha* mà ông đã chấp nhận như là văn bản chính ông viết tác phẩm *Visuddhimagga*, và sau khi đề cập đến lời hứa đã được trích dẫn ở trên chính ông đã bày tỏ như sau:

"Việc diễn giải về ý nghĩa của Giới (*Sīla*), v.v... đã được đề cập đến trong tác phẩm *Aṭṭhakathās* về 5 bộ kinh (*Nikāyas*), tất cả năm điểm đó đã được nghiên cứu kỹ lưỡng, và việc diễn giải đã dần dà trở thành rõ nét hơn, loại bỏ được hết những khiếm khuyết do nhầm lẫn; và cũng chính vì lý do đó mà *Visuddhimagga* đã được các Hành giả (*Yogi*) yêu thích như là phương hướng đạt đến sự thuần khiết, và là người đạt đến khôn ngoan đích thực."

Được sự chấp thuận của ngài *Saṅghapala* quý mến, là người rất khôn ngoan, thuần khiết và hết mực công hiến cho Giới (*Sīla*). ông là người nắm giữ cẩn thận các qui luật (*vinaya*) và đã công hiến rất nhiều cho các phẩm trật, và với tâm hồn tràn đầy những đức tính kiên nhẫn chịu đựng, khoái cảm và yêu thương. v.v... và là người thuộc dòng tộc những cư dân tại các tịnh xá (*Mahāvihāra*), họ là các Thượng tọa rất nổi tiếng và là những người lỗi lạc nhất trong số những người *Vibhajjavādins*, "Tác phẩm do tôi biên soạn chính vì một sự tồn tại lâu đời của Luật

Phật Thích Thực. Vì nhờ sức mạnh công trạng tôi đã đạt được không mấy khó khăn, chớ gì tất cả các tạo sanh trên đời này đạt đến được hạnh phúc đó." Tác phẩm *Visuddhimagga* đã được hoàn tất biên soạn với 58 chương không gặp bất kỳ trục trặc nào cả. Chớ gì tất cả những ước muốn tốt lành trên trần gian này nhanh chóng được thể hiện. Không gặp phải cản trở nào cả". [25]

Đến đây chúng ta nhận ra rằng theo *Buddhaghosa*, toàn bộ công trình vĩ đại của ông được viết dưới dạng một bài bình luận bàn về một Ga-tha (kệ) duy nhất do Đức Phật đã giảng dạy. Hiển nhiên đó cũng chính là những gì ngài *Dhammakitti* đã suy tư cân nhắc khi ông viết tác phẩm *Visuddhimagga* như lời bình luận cũng như một lời quảng bá về hai "*gāthā*" đã được các Công đoàn *Saṅgha* người Sin-la truyền đạt lại ngay trong tịnh xá, để thử thách thông thái và khả năng của ngài *Buddhaghosa*.

Ngài *Dhammakitti* cũng còn ghi lại rằng những lời lẽ đầy kinh ngạc của các Thượng tọa tại thiền viện đó (*Mahāvihāra*) ăn khớp với những gì tác giả cuốn *Visuddhimagga* đã viết về Di-lạc (*Maitreya*) và vấn đề này sẽ được thể hiện chính những gì *Buddhaghosa* cũng đã đề cập đến cùng một vị Bồ-tát, khi ông đặt bút viết như đã được chỉ rõ trong vài vần kệ sau cùng [26] trong bản dịch như sau:

"Ngay từ lúc đầu thai thành con người lần cuối cùng, chiêm ngưỡng thấy *Maitreya* là đáng thông thái tột đỉnh, là người tuyệt nhất nơi mọi thọ sanh, là vị chúa tể và là người cống hiến hết mình vì hạnh phúc mọi chúng sanh, và là người chăm chú lắng nghe những lời giảng dạy luật giới (*Sīla*) đích thực của Đấng Chí Tôn khôn ngoan, tôi đã được tỏa sáng nơi phẩm chất thiên định, vì đã đạt được kết quả đó."

Trong trích đoạn mang tên *Nidānakathā* viết trong tác phẩm *Atthasālinī* hay là lời bình về *Dhammasaṅgani*, ngài *Buddhaghosa* cũng đề cập đến những hoàn cảnh ông đã viết những lời bình đó xuất phát từ tác phẩm *Aṭṭhakathās* được *Mahinda* biên soạn và lưu trữ tại đảo quốc Tích Lan và trong tài liệu này ông cũng đề cập đến tác phẩm do ông thực hiện trong cuốn *Visuddhimagga*. Và ông đã viết tiếp như sau: "Quá vui mừng vì những gì tôi đã tiết lộ, tôi sẽ công bố lời giải thích về ý

nghĩa tác phẩm *Abhidhamma* như đã thấy được *Mahā Kassapa* trùng tuyên kinh Phật và những gì còn lại (tại hội nghị đầu tiên này), và sẽ còn được tụng sau này (tại hội nghị lần thứ hai) và cả những gì các vị A-la-hán đã tụng nữa, và chính *Mahinda* đã đem đến hòn đảo tuyệt vời này và chuyển sang ngôn ngữ của những cư dân tại đó. Hiện nay vì không chấp nhận ngôn ngữ của người thổ dân Tambapani và đã được dịch sang ngôn ngữ đích thực (*Pāli*), thích hợp với những bản văn nguyên thủy (tôi sẽ trở lại vấn đề này) chỉ rõ ý kiến của những cư dân tại Great Minster không làm vắn đục và không pha trộn với những quan điểm nơi nhiều môn phái khác nhau, vụn lẽ là cần được viện dẫn những gì có trong Kinh *Nikāyas* và các lời bình luận. [27] Giải thích những quyết định của các Tỳ-khưu trong thiền viện (*Mahāvihāra*) không đồng ý kiến với những bộ *Nikāyas* khác, tôi sẽ giải thích cặn kẽ tất cả các bản văn (*tantī*) từng chữ một, chỉ đề cập đến những gì cần được đề cập, bắt đầu từ chỗ dẫn giải cuốn *garnatthakathās* để thỏa mãn những người học thức, nhưng tôi cũng loại bỏ tất cả những *kammaṭṭhānas*, cariya (hạnh kiểm) *abhiññā* (kiến thức siêu phàm) thiền minh sát (*vipassanā*) như đã được giải thích trong tác phẩm *Visuddhimagga*. [28]

Bằng những văn kê dùng làm lời tựa đề cho tác phẩm *Sumaṅgalavilāsīnī* hay bài bình luận về *Dīgha-Nikāya*, *Buddhaghosa* cũng đã thực hiện những lời chú giải tương tự như thế về lịch trình biên soạn lời chú giải của ông. Ông đã nhận định như sau: "Nhờ ảnh hưởng của lòng thanh thản và công đức do việc tiếp nhận nơi Tam Bảo và để dẹp mọi trở ngại sang một bên, cũng như để giải thích cặn kẽ ý nghĩa *Dīgha-Nikāya*, hàm chứa trong những Kinh tạng (*suttas*) dài dòng, đó là Kinh A-hàm (*agama*) rất tuyệt. Như lời chính các vị bồ tát lớn nhỏ mô tả và đem lại niềm tin, các kinh chú giải *Aṭṭhakathās* đã được tụng và sau đó lại được 500 các Thượng tọa (theras) tụng lại ngay từ lúc đầu, và lại được ngài *Mahinda* đây khôn ngoan truyền sang đảo quốc *Lankā* rồi dịch sang tiếng của cư dân sinh sống tại đó, nhằm phục vụ chính họ. Loại bỏ ngôn ngữ Sinha và được dịch sang một ngôn ngữ tốt tương tự như ngôn ngữ "*Tanti*" và cũng loại bỏ được tất cả những sai sót và đồng thời giữ lại những lời diễn giải của các vị Thượng tọa đang cư ngụ ngay trong các thiền viện, các ngài được coi như là đèn sáng của một nhóm gồm nhiều Thượng tọa có biệt tài phiên dịch rất tốt. Tôi sẽ giải

thích cặn kẽ, tránh trùng lặp, nhằm thỏa mãn lòng khoái cảm của những dân lương thiện, và vì sự tồn tại của Giáo Pháp." [29]

Cũng tại đây ông đã nói đến tác phẩm *Visuddhimagga* [30] như sau: "Tôi không muốn tranh luận lại những gì đã được đề cập đến trong cuốn *Visuddhimagga*, trong số bốn Kinh A-hàm (*agamas*), tôi sẽ giải thích cặn kẽ cuốn *Visuddhimagga* như đã được đề cập đến ở đây, bạn sẽ hiểu được ý nghĩa của *Dīgha Nikāya* kèm theo với cuốn chú giải *Aṭṭhakathā* (tức là cuốn *Sumaṅgalavilāsinī*)"

Trong tác phẩm *Sumaṅgalavilāsinī*, ông cũng đề cập đến các tác phẩm *Samanatapāsādikā*, *Vinayaṭṭhakathā* (*Sumaṅgalavilāsinī*, I, p. 70) của ông. Trong đó *Buddhaghosa* đều nhắc đến tên một số bình luận gia như Sinha [31], *Mahā-Aṭṭhakathā* còn được gọi là bình luận gia vĩ đại hay lời diễn giải của Thiên viện (*Mahāvihāra*) tại *Anurādhapura*, cuốn *Mahāpaccarī* hay là *Buddhaghosa* cái Mảng Diễn Giải Vĩ Đại (Great Raft Commentary *Buddhaghosa*) đã được đề cập đến trong cuốn *Papañcasūdanī*, sở dĩ được đặt tên như vậy là vì ông đã viết tác phẩm này ngay trên một cái mảng tại Tích Lan và tác phẩm *Kurunḍa Aṭṭhakathā* chính là bài bình luận được viết tại tịnh xá *Kurundavelu Vihāra* ở Tích Lan. Ngoài những cuốn luật giới kinh điển như đã được trích dẫn hay *Buddhaghosa* đề cập đến trong các tác phẩm của ông thì đây chính là những bài bình luận đã được đề cập đến trong tác phẩm *Atthasālini*, do bà Rhys Davids [32] đã đề cập đến.

Trong lời kết cho lời diễn giải về *Vinaya Piṭaka*, *Buddhaghosa* cho chúng ta biết ông đã hoàn tất công trình lớn lao của ông trong hai mươi năm đầu tiên dưới thời nhà vua *Sirinivāsa* trị vì tại đảo quốc Tích Lan (Ceylon), Vị vua này đã là người bảo hộ hoàng tộc rất nhân hậu [33]. Có lẽ *Buddhaghosa* đã đề cập đến cùng một vị vua với tên gọi là *Sirikūṭa* trong lời kết cuốn *Dhammapada* [34], điều này cần được nghiên cứu thêm xem vị vua này có phải là vua *Mahānāma* hay là tên một vị vua khác, dưới triều đại của vị vua này nhà bình luận của chúng ta đã đến đảo quốc Tích Lan, như những gì đã được đề cập đến trong tác phẩm *Mahāvamsa*. Ngài Tỳ-khuru đáng kính *H.P Buddhaddatta* cũng có cùng ý kiến như vậy, ông đã cho hay không có vị vua

nào trị vì tại đảo quốc Tích Lan được nhắc đến lại có cái tên gọi là *Sirikūta* hay *Sirinivāsa* nào cả.

Buddhaghosa cũng đã đề cập đến nhà Vua *Duṭṭhagāmaṇi Abhaya*, [35] một vị anh hùng dân tộc của đảo quốc Tích Lan (Ceylon), còn nhà vua *Coranāga* [36] lại là hoàng tử của vua *Vaṭṭagāmaṇi*. Ông cũng nói đến nhà vua có tên *Mahānāga* những công hiến tuyệt vời của vị vua này lại liên quan đến nghệ thuật chữa trị tại *Penambarigaṇa* đã khiến ông rất nổi tiếng. [37] Có lẽ vua *Mahānāma* chẳng phải ai khác hơn, mà chính là vua *Buddhādāsa*, là phụ vương nhà vua *Mahānāma* như ông đã đề cập đến trong tác phẩm *Mahāvamsa* (chương. XXX. 171). *Buddhaghosa* lại đề cập đến thành phố *Cetiyaṭṭhapa* tại đảo quốc Tích Lan (Ceylon) tại thành phố đó nhà vua đã xuất thành qua cửa Đông để tới *pabbata* rồi tiến tới bờ sông Colombo, con Hoàng mã của đức vua dừng lại bên bờ sông và nhất định không chịu bước xuống dòng sông tương tự như con Hoàng Mã *Gulavaṇṇa* của nhà vua *Kūṭakaṇṇo* vậy. [38]

Như chúng ta đã thấy từ những trích đoạn được trích trong các văn kệ nhập đề cho các bài Bình luận của mình. *Buddhaghosa* đã cho tiết lộ nhà vua *Mahinda* đã đem tác phẩm *Aṭṭhakathā* (đã được 500 vị Tỳ-khuru họp lại tại hội nghị lần thứ nhất diễn ra) tại đảo quốc Tích Lan, [39] và trong tác phẩm *Sumaṅgalavilāsinī*, ông cũng đề cập đến nhà vua *Mahinda*, như là một nhân vật không những đã mang tác phẩm *Aṭṭhakathā* vào Tích Lan, nhưng còn dịch sang tiếng Sinhala nhằm đem lại lợi ích cho cư dân Sinhala tại đảo quốc này [40]. điều này xác minh truyền thuyết cho là tác giả của tác phẩm *Mahāvamsa* cũng như toàn bộ tác phẩm *Aṭṭhakathā*, *Sinha* chính là nhà vua *Mahinda*.

Ngài *Buddhaghosa* cũng đề cập Thượng tọa *MahāMahinda* trong tác phẩm *Sāratthapakāsinī*, ngay khi *Buddhaghosa* đặt chân tới đảo quốc này vị Thượng tọa này đã ngồi thiền tại *Jotivana* và hoàng pháp tại đó, và một chi tiết cũng được ông thêm vào đó là có một trận động đất xảy ra. [41]

Buddhaghosa cũng còn đề cập đến nhiều tịnh xá (*Vihāra*) khác nữa tại Tích Lan (Ceylon) như được liệt kê dưới đây:

1) Tịnh xá Colombotittha *Vihāra* [42] là nơi thường có đến hơn 50 vị Sư sãi đến cư ngụ vào mùa mưa.

2) Tịnh xá *Girikaṇḍaka Vihāra* tại làng *Vattakālaka* Tích Lan, tại đây có người con gái của chủ một nhà trọ vì đức tin mãnh liệt vào Đức Phật đã khiến cô đạt đến *Ubbegāpīti* và đã bay bổng lên trời. [43]

3) Thiền viện *Mahāvihāra* [44] là nơi cư ngụ của các vị Tỳ-khưu, chính những lời diễn giải Giáo Pháp của họ đã được dùng trong các bản văn (tanti).

4) Thiền viện *Mahāvihāra* [45] là địa danh *Buddhaghosa* đã viết các tác phẩm nổi tiếng *Aṭṭhakathā*.

Một nghiên cứu cũng đề cập đến Tỳ-khưu *Tipiṭaka Cūlābhaya* cư ngụ tại thiền viện *Mahāvihāra*, là người đã nắm rất rõ tác phẩm *Aṭṭhakathā*. [46] Một Thượng tọa Tích Lan tên là *Cittagutta* là cư dân vùng *Kuraṇḍaka Mahāleṇa*, cũng được đề cập đến trong tác phẩm *Visuddhimagga*. [47] *Koraṇḍaka* là một tịnh xá tại Tích Lan là nơi một Thượng tọa thường đến cư ngụ như đã được *Buddhaghosa* đề cập đến trong tác phẩm *Visuddhimagga*. [48] Một chi tiết tham khảo nhỏ khác cũng đã được thực hiện đề cập đến một Thượng tọa với biệt tài chữa trị, tên là *Mahāddhammarakkhita*, Thượng tọa này thường đến cư ngụ tại một tịnh xá tại Tích Lan mang tên *Tulāddharapabbata*. [49]

Chúng tôi đã cố gắng gom lại trong chương này tất cả những gì biết được về lịch sử của ngài *Buddhaghosa*. Như chúng tôi đã trình bày, những gì được đề cập đến ở đây vẫn còn hết sức nghèo nàn, hầu thỏa mãn những khao khát thông tin về cuộc đời của nhà diễn giải Kinh Phật vĩ đại này, do tài năng kiệt xuất của ông đã khiến cho chúng ta hiểu được văn học và triết học Phật giáo *Pāli*.

-----*-----

[1] *Mahāvamsa* (Turnour), pp. 250-253. Cf Andersen's *Pāli Reader*, pp. 113-114.

"Bodhimaṇḍasamīpamhi jāto brahmaṇamānavo,
Vijjāsiṃpakkalāvedī tīsu vedesu pārāgo,
Sammāviññātasamāyo sabbavāḍavisārādo,
Vāḍatthi Jambudīpamhi āhiṇḍanto pavāḍino
Vihāraṃ ekaṃ āgama rattim Pātañjali-mataṃ
parivatteti sampuñṇapadaṃ suparīmaṇḍalaṃ.
Tatth'eko Revato nāma mahāthero vijāniya,
'Mahāpañño ayaṃ satto, dametuṃ vaṭṭatīti' so
'Ko nu gadrabharāvena viravanto'ti abruvi,
'gadrabhānaṃ rave atthaṃ kimjānāsīti' āha taṃ.
'Ahaṃ jāne' ti vutto so otāresi sakaṃ mataṃ,
Vuttaṃ vuttaṃ viyākāsi virodhaṃ pi ca dassayi,
'Tena hi tvaṃ sakaṃ vāḍaṃ otārehi,' ca codito
pāliṃ āhābhidhammassa, atthaṃ assa na so'dhigā.
Āha: 'kass'eso manto'ti, 'Buddhamanto' ti so'bruvi,
'dehi me taṃ' ti vutte hi 'gaṇha pabbajja taṃ' iti
Mantatthī pabbajitvā so uggaṇhi Piṭakattayaṃ,
'ekāyano ayaṃ maggo' iti pacchā taṃ aggahi.
Buddhasa viya gambhīraghosattā naṃ viyākaruṃ
'Buddhaghosa ti, so sobhi' Buddho viya mahītale.
Tattha Nānodayaṃ nāma katva pakaranaṃ tadā
Dhammasaṅgaṇiyākāsi kaṇḍaṃ so Atthasāliniṃ.
Pariṭṭhakathaṃ c'eva kātuṃ ārabhi buddhimā,
taṃ disvā Revato thero idaṃ vacanaṃ abruvi:
'Pālimattaṃidhānītaṃ, n'atthi Aṭṭhakathā idha,
tathācariyavādā ca bhinnarūpā na vijjare,
Sīhalaṭṭhakathā suddhā Mahindena matīmatā
Sangīttayaṃ āraūlhaṃ Sammāsambuddhadesitaṃ
Sāriputtāḍigītaṃ ca kathāmaggaṃ samekkhiya
katā Sīhalabhāsāya Sīhalesu pavattati.
Taṃ tattha gantvā sutvā tvaṃ Māgadhānaṃ niruttīyā
Parivattehi, sā hoti sabbalokahitāvahā.
Evaṃ vutto pasanno so nikkhamitvā tato imaṃ
dīpaṃ āgā imass'eva rañño kāle mahāmati.
Mahāvihāraṃ sampatto vihāraṃ sabbasādhunaṃ
Mahāpadhānagharaṃ gantvā Saṃghapālassa santikā
Sīhalaṭṭhakatham sutvā theravāḍaṇ ca 'sabbaso
Dhammassāmissa eso va adhippāyo' ti nicchiya
Tattha saṃghaṃ samānetvā 'kātuṃ aṭṭhakathaṃ mama

*potthake detha sabbe' ti āha. Vimamsitum sa tam
Saṃgho gāthādvayaṃ tassa dāsi: 'sāmatthiyaṃ tava
Ettha dassehi, tam disvā sabbe demāti potthake.'
Piṭakattayaṃ etth'eva saddhiṃ Aṭṭhakathāya so
Visuddhimaggaṃ nāmākā saṃgahetvā samāsato.
Tato saṃghaṃ samūhetvā Saṃbuddhamatakovidāṃ
Mahābodhisamīpaṃhi so tam vācetuṃ ārabhi.
Devatā tassa nepuññaṃ pakāsetuṃ mahājane
chādesuṃ potthakaṃ, so pi dvattikkhattuṃ pi tam akā.
Vācetuṃ tatiyevāre potthake samudāhaṭe
potthakadvayaṃ aññaṃ pi saṅṭhapesuṃ tahiṃ marū.
Vācayimsu tadā bhikkhū potthakattayaṃ ekato,
ganthato atthato vāpi pubbāparavasena vā
Theravādehi pālihi pādehi vyañjanehi ca
aññathattaṃ ahu n'eva potthakesu pi tīsu pi.
Atha ugghosayi saṃgho tuṭṭhahaṭṭho visesato:
'Nissamsayaṃ sa Metteyyo' iti vatvā punappunaṃ
Saddhiṃ Aṭṭhakathāyādā potthak Piṭakattaye,
Ganthākare vasanto so vihāre dūrasaṃkare
Parivattesi sabbā pi Sīhalaṭṭhakathā tadā
sabbesaṃ mūlabhāsāya Māgadhāys niruttiyā.
Sattānaṃ sabbabhāsānaṃ sā ahosi hitāvahā,
theriyācariya sabbe Pāliṃ viya tam aggahaṃ.
Atha kattabbakiccesu gatesu pariniṭṭhitim
Vanditum so Mahābodhiṃ Jambudīpaṃ upāgami."*

[2] Hastings, Encyclopaedia of Religion and Ethics, Vol. II., p. 886.

[3] For these quotations, see Rhys Davids, the Questions of King Milinda, S.B.E., xxxv., pp. xiv-xvii.

[4] Ibid., p. xxv.

[5] Mrs. Rhys Davids, A Buddhist Manual of Psychological Ethics, p. xxiv.

[6] Visuddhimagga (P.T.S), Vol. II., p. 761.

[7] Buddhaghosa's Parables by Capt. T. Rogers, p. xvi., f. n. i.

[8] A 'religious' is 'one bound by monastic vows.'

[9] Sumaṅgala-Vilāsinī (P.T.S.), pt. I., p. 247.

[10] Sumaṅgala-Vilāsinī (P.T.S.), pt. I., p. 93.

[11] Sumaṅgala-Vilāsinī, p. 93.

[12] Sumaṅgala-Vilāsinī, pt. I., p. 267.

[13] Ibid., p. 300.

[14] Sumaṅgala-Vilāsinī, (U. Phye's edition), p. 292.

[15] Ibid., p. 292.

[16] Sumaṅgala-Vilāsinī, p. 247.

*"Athabbāṇa-Vedaṃ catutthaṃ katvā itiha
asa itiha āsāti īdisa-vacana patisaṃyutto
purāṇa-kathā-saṃkhāto itihāso pañcamao."*

[17] Dialogues of the Buddha, pt. I., p. 300.

[18] P.T.S. Edition, p. 295.

[19] Buddhaghosa's Parables, p. lxxvī f.n.

[20] Dialogues of the Buddha, pt. I., p. 112.

[21] Sumaṅgala-Vilāsinī, pt. I., p. 247.

[22] See Pātañjala-darśanaṃ by Jīvānanda Vidyāsāgara, p. 375,
cf. the passage quoted in Vyāsa's Commentary on Yoga Sūtra,
III., 44,

*"Sāmānya viśeṣa samudāyottra dravyaṃ,
dviṣṭho hi samūhaḥ pratyastamita bhedāvayāvanugataḥ
sarīraṃ vrikṣo yuthaṃ vanamitī..."*

"Ayutasiddha vayavabhedānugataḥ samūho
Dravyamūti Patañjaliḥ" (Ibid., p. 376). Cf. Atthasālinī, p. 61.
"Samūhasaṅkhāto pana samayo anekesaṃ sahuppattiṃ dīpeti."
Cf. Sangahasaddo, p. I. Cf. Ibid., p. 167. "paṭhavī kāyo paṭhavī
samūha va."

[23] Paramatthajotikā on the Sutta-Nipāta, II., Vol. I., p. 169.
"Athavā sante na kurute iti sante na sevātīti attho, yathā
rājānaṃ sevātīti etasmiṃ atthe rājānaṃ pakurute ti saddavidū
mantenti." It is an application of the rule of Pāṇini, 1-3-32.
"Gandhanāvakshepaṇa sevana sāhasikya pratiyatna
prakathanopayogeṣu kriṇaḥ"

[24] Visuddhimagga (P.T.S), Vol. I., p.2.

"Imissā dāni gāthāya kathitāya mahesinā
vaṇṇayanto yahtābhūtaṃ atthaṃ sīlādibhedanaṃ,
sudullabhaṃ labhitvāna pabbajjaṃ Jinasāsane,
sīlādisangahaṃ khemaṃ ujum maggaṃ visuddhiyā,
yathābhūtaṃ ajānantā, suddhikāmā pi ye idha
visuddhiruṃ nādhigacchanti vāyamantā pi yogino,
tesaṃ pāmojjakaraṇaṃ suvisuddhavinicchayaṃ
Mahā-vihāravāsīnaṃ desanānayanissitaṃ
Visuddhimaggaṃ bhāsissaṃ; taṃ me sakkaccabhāsato
Visuddhikāmā sabbe pi nisāmayatha sādhave ti:"

[25] Visuddhimagga, Vol. II., pp. 711 and 712.

"Tesaṃ sīlādibhedānaṃ atthānaṃ yo vinicchayo,
pañcannaṃ pi Nikāyanaṃ vutto Aṭṭhakathānaye:
Samāharitvā taṃ sabbaṃ yebhuyyena vinicchayo,
pañcannaṃ pi Nikāyanaṃ vutto Aṭṭhakathānaye:
Samāharitvā taṃ sabbaṃ yebhuyyena vinicchayo,
Sabbasanliaradosehi mutto yasmā pakāsito,
Tasmā visuddhikāmehi suddhapaññehi yogiḥi
Visuddhimagga etasmiṃ karaṇīyo va ādaro ti.
Vibhajjāvādi-seṭṭhānaṃ theriyānaṃ yasassinu,
Mahāvihāravāsīnaṃ vaṃsajassa vibhāvino:
Bhadantasanghapālassa sucisallekhavuttino,
Vinayācārāyuttassa yuttassa paṭipattiyāṃ.

*Khantisoraccamettādi-guṇabhūsitacetaso,
ajjhesanaṃ gahetvā va karontena imaṃ mayā;
Saddhammaṭṭhitikāmena yo patte paññaṣaṅcapo;
tassa tejena sabbe pi sukhamedhentu pāṇino
Visuddhi-Maggo eso va antarāyaṃ vinā idha,
niṭṭhito aṭṭhapaññaṣa bhāṇavarāya Pāliya.
Yatha tath'eva lokassa sabbe kalyāṇanissitā,
Anantarāyā ijjhantu sīghaṃ sīghaṃ manorathāti."*

[26] Visuddhimagga (P.T.S.), Vol. II., p. 713.

*"Antime attabhāvaṃhi Metteyyaṃ minipungavaṃ.
lokaggapuggalaṃ nāthaṃ sabbasattahite rataṃ
Disvāna tassa dhīrassa sutvā saddhammadesanaṃ
Adhigantvā phalaṃ aggaṃ sobheyyaṃ Jinasāsanam ti."*

[27] Mrs. C.A.F. Rhys Davids, A Buddhist Manual of Psychological Ethics, pp. xxī-xxīi. Atthasālinī (P.T.S.), pp. 1-2., Verses 13-19.

*"Yā Mahākassapādīhi vasīh' aṭṭhakathā purā
sangītā anusangītā pacchā pi ca isīhi yā
Ābhatā pana therena Mahindena taṃ uttamaṃ
yā dīpaṃ dīpavasiṇaṃ bhasaya abhisahkhatā.
Apanetva tato bhasaṃ Tambapaṇṇinivāsinaṃ
Āropayitvā niddosaṃ bhāsaṃ tantinayānugaṃ
Nikāyantaraḷaddhīhi asarnmissaṃ anākulaṃ."*

[28] Mahavihāravāsīnaṃ dīpayanto vinicchayaṃ
Atthaṃ pakāsayissāmi āgamaṭṭhakāthasu pi
gahetabbaṃ gahrivāna tosayanto vicikkhaṇe.
Kammaṭṭhanāni sabbāni cariyābhiñña vipassanā
Visuddhimagge pan' idaṃ yasmā sabbam pakāsitam
Tasmā taṃ gahetvāna sakalāya pi tantiyā
Padānukkamato eva karissām' atthavaṇṇanaṃ."

[29] Sumaṅgalavilāsini, pt. I., p.1.

*"Iti me pasannamatino ratanattayavandanāmayam puññaṃ
Yaṃ suvihatanarāyo hutvā tassānubhāvena*

*Dīghassa dīghasuttamkitassa nipuṇassa āgamavarassa
Buddhānubuddhasaṃvaṇṇitassa saddhāvahaguṇassa
Atthappakāsanattham aṭṭhakathā ādito vasisstehi
Pañcahi yā saṃgīta anusamgīta ca pacchā pi
Sīhaḷadīpaṃ pana ābhatātha vasinā Mahā-Mahindena
Thapīta Sīhaḷabhāsāya dīpavāsinam atthāya.
Apanetvāna tato' haṃ Sīhaḷabhāsaṃ manoramam bhāsaṃ
Tantīyānucchaviltam āropento vīgatadosam
Samayaṃ avilomento therānam theravaṃsappadīpānam
Sunīpuṇavinicchayānam Mahāvīhārādhivāsīnam
Hitvā punappunāgataṃ attham attham pakāsayissāmi
Sujanassa ca tuṭṭhattham ciraṭṭhitatthañ ca dhammassa."*

[30] Sumaṅgalavilāsīnī, pt. I., p.2

*"Itipana sabbam yasmā Visuddhimagge mayā suparisuddham
Vuttam tasmā, bhīyo na taṃ idha vicārayissāmi.
Majjhe Visuddhimaggo esa catunnam pi āgamānam hi
Thatvā pakāsayissati tattha yathā bhāsitaṃ attham
Iccheva kato tasmā taṃ pi gahetvāna saddhim etāya
Aṭṭhakathāya vijānātha dīghāgamanissitaṃ attham ti."*

[31] Vide "Origin of the Buddhist Aṭṭhakathās," J.R.A.S. 1871, p. 295

[32] A Buddhist Manual of Psychological Ethics, pp. XXIII-XXIV.

[33] *"Palāyantassa sakalam Laṅkādīpaṃ nirabbudaṃ rañño
Sirīnivāsassa
satnavisatīme kheme jayusamvacehare ayaṃ. Āraddha
ekavisaṃhi
sampatte pariniṭṭhitā ti."*

[34] Dhammapada-Aṭṭhakathā, P.T.S., Vol. IV, p. 235.

[35] Atthasālinī, p. 81.

[36] Ibid, p. 399.

[37] Ibid, p. 399.

[38] Sāratthapakāsinī (mss) p. 25. "Kūṭakaṇṇaraṅṅo
Gulavaṇṇasso viya,

*Rājā kira pacinadvārena nikkhamitvā 'Cetiyapabbataṃ
gaṃissāmīti'
kalambanadītīraṃ sampatto asso tīre ṭhatvā udaka m otaritum
na icchati."*

[39] "Sāratthapakāsiṃ, (mss) p. 1."

[40] Sumaṅgalavilāsinī, p. 1.

[41] P. 29.

[42] Sāratthapakāsinī (mss) p. 132.

[43] Atthasālinī, p. 116.

[44] Sāratthapakāsinī (mss) p. 132.

[45] Atthasālinī, p. 116.

[46] Visuddhimagga, Vol. I, p. 96

[47] Ibid, p. 38.

[48] Ibid, p. 91.

[49] Ibid, p. 96.

-----*-----

[Đầu trang](#) | [00](#) | [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#) | [07](#) | [08](#)

*Chân thành cảm ơn Tỳ khuru Thiện Minh đã gửi tặng bản vi tính (Bình
Anson, 03-2005)*

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

last updated: 23-03-2005